

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Kế toán
Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Accounting
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Định hướng:	Ứng dụng
Ngành đào tạo:	Kế toán
Mã ngành:	8340301

(Ban hành kèm theo quyết định số 686/ĐHKTKTCN ngày 14/08/2024 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành kế toán của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho học viên có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để tổ chức triển khai và điều hành công tác chuyên môn trong lĩnh vực kế toán kiểm toán. Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực kế toán chất lượng cao, có năng lực chuyên môn sâu, kiến thức liên ngành, khả năng làm việc và phương pháp nghiên cứu khoa học độc lập. Học viên tốt nghiệp sẽ có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như khả năng tự học, khả năng giao tiếp và tuân thủ trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Áp dụng được kiến thức liên ngành để giải quyết các vấn đề thuộc về lĩnh vực kế toán kiểm toán trong doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị

PO2: Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, định hướng phát triển nghề nghiệp, đưa ra những sáng kiến quan trọng về kế toán, kiểm toán và các lĩnh vực có liên quan

PO3: Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả, khả năng hướng dẫn người khác, khả năng tự học, nghiên cứu khoa học độc lập trong lĩnh vực chuyên môn sâu về kế toán kiểm toán và các hoạt động nghề nghiệp khác

PO4: Có năng lực thiết kế tổ chức vận hành, quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học viên tốt nghiệp ngành Kế toán có khả năng:

PLO1: Vận dụng kiến thức liên ngành có liên quan đến kế toán, kiểm toán trong bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp

PLO2: Vận dụng kiến thức về quản trị và quản lý kinh tế trong bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp

PLO3: Áp dụng các kiến thức về lý thuyết và kiến thức thực tế sâu để thực hiện việc lập kế hoạch, tổ chức hoạt động kế toán kiểm toán và đánh giá công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp cụ thể, đơn vị, tổ chức

PLO4: Tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thuộc chuyên môn kế toán, kiểm toán một cách hiệu quả.

PLO5: Sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo, phù hợp trong lĩnh vực nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

PLO6: Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả, khả năng nghiên cứu, phát hiện vấn đề, và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

PLO7: Có kỹ năng giao tiếp, truyền đạt ý kiến cũng như kỹ năng viết báo cáo, thuyết trình chuyên môn trong công việc

PLO8: Quản lý, đánh giá, cải tiến và tư vấn chuyên sâu các hoạt động mang tính chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính

PLO9: Tự định hướng, nghiên cứu, hướng dẫn về chuyên môn, đưa ra những ý kiến phản biện, những sáng kiến quan trọng cũng như tuân thủ đạo đức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán và các lĩnh vực có liên quan

2.2. Trình độ ngoại ngữ: Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Kế toán trưởng, trưởng phòng kế toán, kiểm soát viên nội bộ, trưởng ban kiểm soát nội bộ, CEO trong các tập đoàn, tổng công ty, công ty, đơn vị hành chính sự nghiệp.
- Trợ lý kiểm toán, kiểm toán viên trong các công ty kiểm toán.
- Chuyên viên phụ trách kế toán tại các ngân hàng và các bộ phận chức năng về kế toán - kiểm toán tại các Bộ, các ngành và các cơ quan nhà nước khác.
- Giảng viên giảng dạy tại các trường Cao đẳng, Đại học đào tạo về Kế toán.

- Chuyên viên tại các viện nghiên cứu, các tổ chức xã hội nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực kế toán kiểm toán

2.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Có đầy đủ khả năng theo học các chương trình nghiên cứu sinh để nhận học vị tiến sĩ ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ, nghiệp vụ đáp ứng nhiệm vụ công việc được giao.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT								
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán định hướng ứng dụng được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực kế toán, có năng lực chuyên môn sâu, có khả năng làm việc và phương pháp nghiên cứu khoa học độc lập, có khả năng tổ chức điều hành công tác chuyên môn trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán cũng như có khả năng thích ứng với môi trường kinh tế xã hội toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế. Chương trình cũng cung cấp những kiến thức mới, liên ngành để học viên ứng dụng vào thực tế; có năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp, phục vụ cộng đồng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước										
Mục tiêu cụ thể										
PO1	Áp dụng được kiến thức liên ngành để giải quyết các vấn đề thuộc về lĩnh vực kế toán kiểm toán trong doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị	x	x							
PO2	Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, định hướng phát triển nghề nghiệp, đưa ra những sáng kiến quan trọng về kế toán, kiểm toán			x		x				x

	và các lĩnh vực có liên quan									
PO3	<i>Thể hiện</i> được kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả, khả năng hướng dẫn người khác, khả năng tự học, nghiên cứu khoa học độc lập trong lĩnh vực chuyên môn sâu về kế toán kiểm toán và các hoạt động nghề nghiệp khác						X	X		
PO4	<i>Có năng lực</i> thiết kế tổ chức vận hành, quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp kế toán, kiểm toán		X	X	X				X	

4. Yêu cầu đối với người học

4.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển. Các ngành phù hợp mà không phải là ngành đúng sẽ phải học bổ sung/ chuyển đổi kiến thức (theo bảng danh mục ngành phù hợp và các học phần chuyển đổi/ bổ sung liên thức). Các trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh và hội đồng khoa học nhà trường quyết định.

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- Danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung/ chuyển đổi kiến thức

TT	Ngành tốt nghiệp đại học	Các học phần bổ sung/chuyển đổi kiến thức <i>(tên học phần, số tín chỉ)</i>
1	Kế toán, Kiểm toán	Không
2	Nhóm 1: Quản trị kinh doanh Marketing Kinh doanh quốc tế Kinh doanh thương mại Thương mại điện tử Kinh doanh thời trang và dệt may Tài chính – Ngân hàng Bảo hiểm Công nghệ tài chính Nhóm 2: Khoa học quản lý Quản lý công Quản trị nhân lực Hệ thống thông tin quản lý Quản trị văn phòng Quan hệ lao động Quản lý dự án Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Quản trị khách sạn Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống Kinh tế Kinh tế chính trị Kinh tế đầu tư Kinh tế phát triển Kinh tế quốc tế Thống kê kinh tế Toán kinh tế Kinh tế số Kinh tế vận tải Kinh tế xây dựng Kinh tế nông nghiệp Kinh tế công nghiệp	- Nhóm 1: 3 TC 1. Kiểm toán căn bản – 000455, 3 TC - Nhóm 2: 6 TC 1. Kế toán doanh nghiệp – 001717, 3 TC 2. Kiểm toán căn bản – 000455, 3 TC

- Các qui định khác: Theo qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

4.2. Phương thức tuyển sinh:

a. Xét tuyển: Xét tuyển gồm 3 môn cụ thể:

- Môn ngoại ngữ: Theo qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường

- Hai môn khác là tổ hợp cao nhất của ứng viên được nhà trường thông báo tại các đợt tuyển sinh hàng năm.

- Hình thức và quy trình xét tuyển trong mỗi kỳ tuyển sinh do Trường quyết định.

b. Thi tuyển: thí sinh sẽ thi 3 môn gồm:

- Môn 1: Nguyên lý kế toán
- Môn 2: Kế toán tài chính
- Môn ngoại ngữ: Theo qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường

5. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên hoàn thành các học phần trong Chương trình đào tạo và đáp ứng đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

6. Chương trình đào tạo

6.1 Cấu trúc chương trình

- Phần kiến thức chung:	06 tín chỉ
- Phần kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành:	45 tín chỉ
+ Lý thuyết:	39 tín chỉ
+ Thực hành, thực tập, chuyên đề, tiểu luận:	06 tín chỉ
- Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án):	09 tín chỉ

6.2 Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Mã học phần	Tên học phần	Khoa/BM thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
I. Phần kiến thức chung			6		
0601002218	Triết học	LLCT&PL	4	(48, 24, 120)	
0601001468	Phương pháp NCKH	KTKT	2	(24, 12, 60)	
II. Phần kiến thức cơ sở ngành			12		
Các học phần bắt buộc			6		
0601000561	Kinh tế học	DLKS	2	(24, 12, 60)	
0601002222	Lý thuyết kế toán	KTKT	2	(24, 12, 60)	
0601002278	Thống kê và Phân tích dữ liệu	TM	2	(24, 12, 60)	
Các học phần tự chọn (Chọn 3 trong 7 học phần)			6		

Mã học phần	Tên học phần	Khoa/BM thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
0601002279	Tài chính công	TCNH & BH	2	(24, 12, 60)	
0601002280	Quản trị tài chính DN	TCNH & BH	2	(24, 12, 60)	
0601002281	Quản trị chiến lược	QT&MAR	2	(24, 12, 60)	
0601002282	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	TCNH & BH	2	(24, 12, 60)	
0601002283	Quản trị rủi ro	QT&MAR	2	(24, 12, 60)	
0601002284	Quản lý Nhà nước về Kinh tế	DLKS	2	(24, 12, 60)	
0601002549	Luật doanh nghiệp	TM	2	(24, 12, 60)	
III. Phần kiến thức chung của ngành			21		
Các học phần bắt buộc			15		
0601002221	Pháp luật kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	
0601002223	Đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	
0601000458	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	KTKT	3	(39, 12, 90)	
0601002286	Kế toán quản trị	KTKT	3	(39, 12, 90)	
0601002445	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	KTKT	3	(0, 90, 90)	
Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)			6		
0601002291	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	KTKT	3	(39, 12, 90)	
0601002361	Hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế	KTKT	3	(39, 12, 90)	
0601002292	Kế toán định giá doanh nghiệp	KTKT	3	(39, 12, 90)	
0601002293	Kế toán ngân hàng thương mại	KTKT	3	(39, 12, 90)	
IV. Phần kiến thức chuyên ngành			12		
Các học phần bắt buộc			9		
0601000446	Kế toán tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	

Mã học phần	Tên học phần	Khoa/BM thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
0601002287	Kiểm toán tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	
0601002448	Chuyên đề 2: Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	KTKT	3	(0, 90, 90)	
Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)			3		
0601002288	Kế toán công	KTKT	3	(39, 12, 90)	
0601002289	Hệ thống kiểm soát nội bộ	KTKT	3	(39, 12, 90)	
0601002290	Kế toán hợp nhất kinh doanh và tập đoàn	KTKT	3	(39, 12, 90)	
V. Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)					
0601002449	Đề án tốt nghiệp	KTKT	9	(0, 540, 0)	
Tổng cộng:		60			

7. Kế hoạch đào tạo

7.1. Thời gian đào tạo toàn khóa: 2 năm

7.2. Khung kế hoạch đào tạo

Mã số học phần	Tên học phần	Thời lượng	Ghi chú
I. Học kỳ 1 (6 môn BB)		16	
0601002218	Triết học	4 (48, 24, 120)	BB
0601001468	Phương pháp NCKH	2 (24, 12, 60)	BB
0601000561	Kinh tế học	2 (24, 12, 60)	BB
0601002222	Lý thuyết kế toán	2 (24, 12, 60)	BB
0601002221	Pháp luật kế toán	3 (39, 12, 90)	BB
0601002223	Đạo đức nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán	3 (39, 12, 90)	BB
II. Học kỳ 2 (3 môn BB + 3 môn TC)		14	
0601002278	Thống kê và phân tích dữ liệu	2 (24, 12, 60)	BB
0601002279	Tài chính công	2 (24, 12, 60)	TC

Mã số học phần	Tên học phần	Thời lượng	Ghi chú
0601002280	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2 (24, 12, 60)	TC
0601002281	Quản trị chiến lược	2 (24, 12, 60)	TC
0601002282	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	2 (24, 12, 60)	TC
0601002283	Quản trị rủi ro	2 (24, 12, 60)	TC
0601002284	Quản lý Nhà nước về Kinh tế	2 (24, 12, 60)	TC
0601002285	Luật kinh tế tài chính	2 (24, 12, 60)	TC
0601002286	Kế toán quản trị	3 (39,12, 90)	BB
0601000458	Phân tích báo cáo tài chính	3 (39,12, 90)	BB
III. Học kỳ 3 (2 môn BB + 3 môn TC)		15	
0601000446	Kế toán tài chính	3 (39,12, 90)	BB
0601002287	Kiểm toán tài chính	3 (39,12, 90)	BB
0601002288	Kế toán công	3 (39,12, 90)	TC
0601002361	Hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế	3 (39,12, 90)	TC
0601002291	Hệ thống thông tin kế toán	3 (39,12, 90)	TC
0601002289	Kiểm soát nội bộ	3 (39,12, 90)	TC
0601002292	Kế toán định giá doanh nghiệp	3 (39,12, 90)	TC
0601002293	Kế toán ngân hàng thương mại	3 (39,12, 90)	TC
IV. Học kỳ 4 (2 chuyên đề + 1 đề án)		15	
0601002445	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	3 (0, 90, 90)	BB
0601002448	Chuyên đề 2: Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	3 (0, 90, 90)	BB
0601002449	Đề án tốt nghiệp	9 (0, 540, 0)	BB

7.3. Danh sách giảng viên giảng dạy

TT	Tên học phần	TC	Giảng viên phụ trách	Đơn vị
1	Triết học	4	TS. Bùi Thanh Thủy TS. Lê Thị Lý	LLCT
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	PGS. TS. Nguyễn Đình Thọ TS. Phạm Thị Lựa TS. Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán Kiểm toán
3	Kinh tế học	2	TS. Nguyễn Văn Hợp TS. Lê Thị Kim Chi	DLKS
4	Lý thuyết kế toán	2	TS. Trần Thị Quỳnh Giang TS. Nguyễn Ngọc Khương	Kế toán Kiểm toán
5	Pháp luật kế toán	3	TS. Hoàng Thu Hiền TS. Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán Kiểm toán
6	Thống kê và Phân tích dữ liệu	2	TS. Nguyễn Văn Hợp TS. Lê Thị Kim chi	DLKS
7	Đạo đức nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán	3	GS.TS. Ngô Thế Chi TS. Nguyễn Hồng Anh TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan	Kế toán Kiểm toán
8	Tài chính công	2	TS. Đặng Hương Giang TS. Đường Thanh Hải	TCNH & Bảo hiểm
9	Quản trị tài chính DN	2	TS. Trần Đức Căn TS. Phùng Thị Lan Hương TS. Vũ Thị Thục Oanh	TCNH & Bảo hiểm
10	Quản trị chiến lược	2	TS. Nguyễn Thị Chi TS. Nguyễn Thị Phụng	Thương mại
11	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	2	TS. Đặng Hương Giang TS. Vũ Thị Thục Oanh	TCNH & Bảo hiểm
12	Quản trị rủi ro	2	TS. Lưu Khánh Cường TS. Đoàn Kim Thêu	QTKD & Marketing
13	Quản lý Nhà nước về Kinh tế	2	TS. Phạm Thị Lựa TS. Lê Thị Kim Chi	DLKS
14	Luật doanh nghiệp	2	TS. Nguyễn Thị Phụng TS. Nguyễn Thị Chi	Thương Mại
15	Kế toán tài chính	3	TS. Hoàng Thị Phương Lan TS. Trần Thị Quỳnh Giang	Kế toán Kiểm toán
16	Kế toán quản trị	3	TS. Nguyễn Ngọc Lan TS. Ngô Thị Trà	Kế toán Kiểm toán

TT	Tên học phần	TC	Giảng viên phụ trách	Đơn vị
17	Kiểm toán tài chính	3	TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan TS. Phạm Thị Thùy Vân	Kế toán Kiểm toán
18	Kế toán công	3	TS. Hoàng Thu Hiền TS. Trần Thị Thắm	Kế toán Kiểm toán
19	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	3	TS. Nguyễn Hồng Anh TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan	Kế toán Kiểm toán
20	Hệ thống kiểm soát nội bộ	3	TS. Phạm Thị Thùy Vân TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan	Kế toán Kiểm toán
21	Hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế	3	TS. Hoàng Thu Hiền TS. Trần Thị Thắm	Kế toán Kiểm toán
22	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	3	TS. Hoàng Thị Huyền TS. Đinh Thị Kim Xuyên	Kế toán Kiểm toán
23	Kế toán hợp nhất kinh doanh và tập đoàn	3	TS. Trần Thị Quỳnh Giang TS. Hoàng Thị Phương Lan	Kế toán Kiểm toán
24	Kế toán định giá doanh nghiệp	3	TS. Trần Thị Thắm TS. Nguyễn Ngọc Lan	Kế toán Kiểm toán
25	Kế toán ngân hàng thương mại	3	TS. Hoàng Thu Hiền TS. Đặng Hương Giang	Kế toán Kiểm toán
26	Chuyên đề 1 : Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	TS. Nguyễn Hồng Anh TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan	Kế toán Kiểm toán
27	Chuyên đề 2: Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	3	TS. Hoàng Thị Phương Lan TS. Trần Thị Quỳnh Giang	Kế toán Kiểm toán

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long